

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC GIA KYUNGPOOK

Tuyển sinh học kì thứ 2 năm 2019

Điều kiện nhập học dành cho học sinh ngoại quốc





MỤC LỤC



I. GIỚI THIỆU VỀ TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC GIA KYUNGPOOK

1	Lịch sử trường	1
2	Tổng quan	1
3	Vị thế	1
4	Các ngành được chuyên môn hóa	2

II. Hướng dẫn làm hồ sơ nhập học

1	Quy trình nhập học	3
2	Ngành học và số lượng tuyển sinh	4
3	Điều kiện ứng tuyển	7
4	Phương pháp tuyển chọn	8
5	Hồ sơ đăng ký	10
6	Phí đăng ký	12
7	Điểm cần lưu ý	12
8	Học bổng	13
9	Học phí	14
10	Chi phí sinh hoạt	14
11	Liên hệ	15

III. Phụ lục

1	Hợp pháp hóa lãnh sự (dấu tím)	16
2	Địa chỉ trang web của các khoa	17

1 Lịch sử trường

- Năm 1946 được công nhận là trường Đại học quốc gia (Đại học sư phạm Daegu, Đại học y Daegu, Đại học nông nghiệp Daegu.)
- Năm 1951 đổi tên thành trường đại học quốc gia Kyungpook (gồm khối ngành đại học sư phạm, đại học y, đại học nông nghiệp, khối ngành vật lý, đại học luật)
- Năm 1953 thiết lập chương trình Cao học.
- Tính đến thời điểm hiện tại năm 2019, trường hiện có 17 khối đại học, 66 khoa (34 hệ chia nhỏ), 12 khối cao học.

2 Tổng quan khuôn viên trường.

- Gồm 4 cơ sở:



● 대구캠퍼스



● 상주캠퍼스



● 대구(칠곡)캠퍼스



● 대구(동인동)캠퍼스

- 17 khối đại học, 66 khoa, 12 khối cao học, 124 cơ sở nghiên cứu
- Tổng số lượng sinh viên có tên là 36,067 người, trong đó sinh viên đại học là 29,848 người, sinh viên cao học là 6,219 người.
- Giáo sư tiền nhiệm 1174 người, nhân viên gồm 1188 người, tổng số sinh viên tốt nghiệp là 235027 người.

3 Vị thế

- 5 năm liên tiếp được bộ giáo dục công nhận là cơ quan quản lý và duy trì tốt chương trình giáo dục đào tạo quốc tế hóa (3/2015~2/2020)
- Năm 2018, đứng thứ 6 toàn quốc trong tổng 30 trường đại học trong nước nổi tiếng là cái nôi của những giám đốc kinh doanh đại tài.
- Năm 2018 xếp hạng 1 trong nước về đào tạo lĩnh vực khoa học xã hội, hạng 1 các trường công lập, vị trí thứ 8 trong nước, có tỉ lệ luận án là 1% chiếm vị trí cao trong “bảng xếp hạng các trường đại học thế giới”
- Năm 2018 xếp hạng 1 trong những trường đại học công lập tốt nhất toàn cầu theo tờ báo US NEWS AND WORLD REPORT, hạng 10 toàn quốc, vị trí thứ 5 trong nước về đào tạo khối ngành nông nghiệp và vật lý, hạng 121 trên toàn thế giới về bộ môn đánh giá nghiên cứu khu vực, hạng 233 thế giới bộ môn hợp tác nghiên cứu quốc tế

- Năm 2017 xếp hạng **1 trường đại học công lập** theo đánh giá các trường đại học của trung tâm xếp hạng các trường đại học thế giới.
- Năm 2017 xếp vị trí thứ 1 trong nước được 500 trường đại học công lập theo đánh giá của trường đại học Shanghai Jiao Tong.

4 Các khối ngành được chuyên môn hóa

Khối ngành	Khoa
Nhân văn	xã hội học, truyền thông báo chí, địa lý, văn kiện thông tin, kinh tế nông nghiệp
Kỹ thuật công nghiệp	công nghệ điện tử, máy vi tính, kiến trúc, khoa học máy móc, khoa học công nghệ vải sợi, khoa học nguyên nhiên liệu mới, khoa học hóa học ứng dụng, khoa học môi trường, khoa học công nghệ nano, khoa học công nghệ IT, khoa học công nghệ ô tô, khoa học công nghệ máy móc vĩ mô
Khoa học tự nhiên	vật lý, khoa học sinh vật, toán, hóa, làm vườn, khoa học sinh vật học ứng dụng, môi trường, công nghiệp thực phẩm nhà hàng, khoa vật liệu vải sợi sinh học, công nghệ thực phẩm
Năng khiếu nghệ thuật	dệt và thiết kế thời trang

II HƯỚNG DẪN LÀM HỒ SƠ NHẬP HỌC

1 LỊCH TRÌNH TIẾP NHẬN HỒ SƠ

MỤC		LỊCH TRÌNH	LƯU Ý
Tiếp nhận hồ sơ	Tiếp nhận hồ sơ online	Từ ngày 22. 04. 2019. đến 18 giờ ngày 03. 05. 2019.	http://en.knu.ac.kr (tiếng anh) http://jinhakapply.com
	Tiếp nhận hồ sơ trực tiếp	Từ ngày 22. 04. 2019. đến 18 giờ ngày 10. 05. 2019.	Sau khi đăng ký online, phải nộp đầy đủ những hồ sơ được ghi tại mục số 5 cho văn phòng tầng 6 Global Plaza
Duyệt hồ sơ		Từ ngày 13. 05. 2019. đến ngày 20. 05. 2019.	Ứng viên không đủ điều kiện sẽ thông báo riêng
Phòng vấn	Nguyện vọng 1	Từ ngày 22. 04. 2019. đến 18 giờ ngày 10. 5. 2019.	
	Nguyện vọng 2	Hạn cuối ngày 12. 06. 2019.	áp dụng với ứng viên đã trúng tuyển nguyện vọng 1
Tiếp nhận hồ sơ chứng minh tài chính		Hạn cuối ngày 21 .06. 2019.	Áp dụng với ứng viên đã đỗ phỏng vấn
Ban tuyển sinh trực tiếp duyệt hồ sơ		Kéo dài tới ngày 26. 06. 2019.	
Nộp bổ sung bằng TOPIK		Hạn cuối ngày 28 .06. 2019.	Chỉ áp dụng ứng viên có mã thi phỏng vấn
Thông báo ứng viên trúng tuyển		Dự định vào khoảng 05. 07. 2019.	Xác nhận kết quả qua Email hoặc vào trang chủ của phòng quan hệ quốc tế gp.ac.knu.kr
Cấp giấy chứng nhận nhập học		Đến giữa tháng 7 năm 2019	
		Đối với ứng viên đang cư trú tại Hàn: sẽ trực tiếp đến văn phòng hỗ trợ người nước ngoài tầng 6 Global Plaza để nhận giấy và xác nhận thông tin Đối với ứng viên đang ở nước ngoài: Trường sẽ chuyển gửi giấy nhập học về địa chỉ được ghi trên đơn đăng ký nhập học	
Nộp tiền học		Lần 1: khoảng giữa tháng 7. 2019 Lần 2 : đến cuối tháng 8.2019	Thông báo sau khi có lịch trình cụ thể
Tiếp nhận bằng tốt nghiệp THPT(có dấu tím lãnh sự quán)		Đến cuối tháng 8. 2019.	

2 NGHÀNH HỌC VÀ SỐ LƯỢNG ĐĂNG KÝ

1. **Số lượng tuyển sinh:** : Tuyển sinh sinh viên quốc tế dựa trên giới hạn của khoa (tuyển chọn đặc biệt ngoài số lượng sinh viên chính thức)

※ Các khoa sau đây sẽ chọn số lượng hạn chế sinh viên mỗi học kỳ:

- Khoa quản trị kinh doanh: khoảng 7 người
- Khoa Kinh tế thông thương: khoảng 5 người
- Khoa Sư phạm ngữ văn Hàn: 3 người
- Khoa Sư phạm sử: 1 người

2. NGHÀNH HỌC

Cơ sở tại Daegu

Khối ngành	Sinh viên nhập học mới (Các khoa được in đậm màu xanh 「 」 là khoa được đăng ký nguyện vọng 2)		Sinh viên chuyển tiếp(không thể đăng ký nguyện vọng 2)	
	Nhân văn	Ngôn ngữ văn học Hàn Quốc	Ngôn ngữ văn học Hàn Quốc	Ngôn ngữ văn học Hàn Quốc
Sử học		Triết học	Sử học	Triết học
Ngôn ngữ văn học Pháp		Ngôn ngữ văn học Đức	Ngôn ngữ văn học Pháp	Ngôn ngữ văn học Đức
Ngôn ngữ văn học Trung		Khảo cổ học & Nhân chủng học	Ngôn ngữ văn học Trung	Khảo cổ học & Nhân chủng học
Ngôn ngữ văn học Nhật		Hán văn	Ngôn ngữ văn học Nhật	Hán văn
Ngôn ngữ văn học Nga			Ngôn ngữ văn học Nga	
Khoa học xã hội	「Chính trị ngoại giao」	「Xã hội học」	Chính trị ngoại giao	Xã hội học
	「Địa lý học」	Thư viện và Khoa học thông tin	Địa lý học	Thư viện và Khoa học thông tin
	Tâm lý học	「Phúc lợi xã hội」	Tâm lý học	Phúc lợi xã hội
	Báo chí và truyền thông		Báo chí và truyền thông	
Khoa học tự nhiên	Khoa học tự nhiên	Toán học	「Vật lý học」	Toán học
	「Hóa học」	「Công nghệ sinh học」	Hóa học	Công nghệ sinh vật học
	「Khoa học hệ thống địa cầu」	「Công nghệ sinh vật học」	Công nghệ sinh học	Thống kê
	「Thống kê」		Khoa học hệ thống địa cầu (chuyên ngành địa chất Trái đất)	Khoa học hệ thống địa cầu (chuyên ngành khí quyển và thiên văn)
			Khoa học hệ thống địa cầu (chuyên ngành hải dương học)	
Kinh tế/ Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh	Kinh tế thông thương	Quản trị kinh doanh	Kinh tế thông thương

Khối ngành	Sinh viên nhập học mới (Các khoa được in đậm màu xanh 「 」 là khoa được đăng ký nguyện vọng 2)		Sinh viên chuyển tiếp(không thể đăng ký nguyện vọng 2)	
Kỹ thuật	Khoa học và kỹ thuật vật liệu mới	「 Công nghệ máy móc 」	Khoa học và Kỹ thuật Vật liệu mới (chuyên ngành Khoa học Vật liệu & Kỹ thuật Luyện kim)	Khoa học và Kỹ thuật Vật liệu mới (chuyên ngành Kỹ thuật Vật liệu Điện tử)
	Kỹ thuật hóa học ứng dụng	Kiến trúc	Kỹ thuật cơ khí	Kỹ thuật xây dựng cầu đường
	Kỹ thuật xây dựng cầu đường	Kỹ thuật kiến trúc	Kỹ thuật kiến trúc	Kiến trúc
	「 Công nghệ phân tử 」	Kỹ thuật hệ thống dệt may	Kỹ thuật hóa học ứng dụng (Chuyên ngành ứng dụng hóa học)	Kỹ thuật hóa học ứng dụng(Chuyên ngành công nghệ hóa học)
	Khoa học môi trường	Công nghệ năng lượng	Công nghệ phân tử	Kỹ thuật hệ thống dệt may
			Khoa học môi trường	Công nghệ năng lượng
IT	Kỹ thuật điện tử	Khoa học máy tính	Kỹ thuật điện tử	Khoa học máy tính
	Kỹ thuật điện	Khoa học máy tính (Hội tụ phần mềm toàn cầu)	Kỹ thuật điện	Khoa học máy tính (Hội tụ phần mềm toàn cầu)
Nông nghiệp & Khoa học đời sống	「 Khoa học sinh học ứng dụng 」	「 Công nghệ thực phẩm 」	Khoa học sinh học ứng dụng	Công nghệ thực phẩm
	「 Khoa học về rừng và chăm sóc tạo dáng cây 」	「 Khoa học làm vườn 」	Khoa học về rừng và chăm sóc tạo dáng cây	Khoa học về rừng và chăm sóc tạo dáng cây(Chuyên ngành lâm sản)
	「 Khoa học đất đai nông nghiệp và công nghệ sản xuất nông sản 」	「 Khoa học vật liệu và sợi sinh học 」	Khoa học về rừng và chăm sóc tạo dáng cây (Chuyên về kỹ thuật chăm sóc và tạo dáng cây)	Kỹ thuật nông nghiệp
	「 Kinh tế nông nghiệp 」		Khoa học đất đai nông nghiệp và công nghệ sản xuất nông sản (Chuyên ngành kỹ thuật công nghệ sản xuất nông sản)	Khoa học đất đai nông nghiệp và công nghệ sản xuất nông sản (Chuyên ngành đất đai nông nghiệp)
			Khoa học vật liệu và sợi sinh học	Kinh tế nông nghiệp
Âm nhạc và nghệ thuật	「 Nhạc cụ truyền thống Hàn Quốc 」		Nhạc cụ truyền thống Hàn Quốc	
Sư phạm	Sư phạm ngữ văn Hàn	Sư phạm sử		
Khoa học đời sống	Nghiên cứu trẻ em	May mặc	Nghiên cứu trẻ em (Chuyên ngành gia đình và trẻ em)	Nghiên cứu trẻ em (Chuyên ngành về trẻ nhỏ)
	「 Dinh dưỡng thực phẩm 」		May mặc	Dinh dưỡng thực phẩm
Hành chính công vụ	「 Hành chính 」		Hành chính	

□ CƠ SỞ SANGJU

Khối ngành	Sinh viên nhập học mới (Các khoa được in đậm màu xanh 『』 là khoa được đăng ký nguyện vọng 2)		Sinh viên chuyển tiếp(không thể đăng ký nguyện vọng 2)	
Môi trường sinh thái	『Hệ thống sinh thái môi trường』	『Môi trường sinh thái và du lịch sinh thái(Sinh học sinh thái)』	Hệ thống sinh thái và môi trường (Chuyên ngành tài nguyên môi trường thực vật)	Hệ thống sinh thái và môi trường (Chuyên ngành tài nguyên môi trường rừng)
	『Giải trí và thể thao』	『Môi trường sinh thái và Du lịch sinh thái (Chuyên ngành du lịch sinh thái)』	Môi trường sinh thái và Du lịch sinh thái (Sinh học ứng dụng)	Môi trường sinh thái và Du lịch sinh thái (Du lịch sinh thái)
	『Kỹ thuật chăn nuôi』	『Công nghệ sinh học động vật』	Khoa học động vật hoang dã/ đặc thù/ ngựa	Giải trí và Thể thao
	『Khoa học động vật hoang dã đặc thù/ ngựa』		Kỹ thuật chăn nuôi	Công nghệ sinh học động vật
Khoa học kỹ thuật	『Kỹ thuật phòng chống thiên tai』	『Cơ khí chính xác』	Kỹ thuật phòng chống thiên tai	Kỹ thuật kiến thiết môi trường
	『Kỹ thuật ô tô』	『Phần mềm』	Cơ khí chính xác	Kỹ thuật ô tô (Chuyên ngành kỹ thuật ô tô thân thiện với môi trường)
	『Công nghệ thực phẩm và dịch vụ thực phẩm』	『Kỹ thuật công nghệ vật liệu nano』	Kỹ thuật ô tô (Loại hình ô tô thông minh)	Phần mềm
	『Công nghệ kỹ thuật tổng hợp』	『Kỹ thuật dệt và Thiết kế thời trang (Kỹ thuật dệt)』	Công nghiệp thực phẩm và dịch vụ thực phẩm	Vật liệu Khoa học và kỹ thuật nano(Công nghệ năng lượng hóa)
		『Kỹ thuật dệt và Thiết kế thời trang(Thiết kế thời trang)』	Vật liệu Khoa học và Kỹ thuật nano(Công nghệ vật liệu mới)	Công nghệ kỹ thuật tổng hợp (Hệ thống vệ tinh hàng không)
			Công nghệ kỹ thuật tổng hợp (Hệ thống thiết bị máy móc công trường)	Kỹ thuật dệt và Thiết kế thời trang (Thiết kế thời trang)
			Kỹ thuật dệt và Thiết kế thời trang (Kỹ thuật dệt)	

※ Lưu ý

- ① Đa phần các tiết học sẽ được giảng dạy bằng tiếng Hàn, chỉ một số bằng tiếng Anh (Sinh viên trực tiếp hỏi riêng văn phòng khoa để biết thêm về các môn bằng tiếng Anh)
- ② Khoa Kiến trúc (Chuyên ngành Kiến trúc) là chương trình đại học **5 năm**.

- ③ Sinh viên đang theo học tại trường Cao đẳng Kỹ thuật, Cao đẳng CNTT và Khoa Kỹ thuật Nông nghiệp & Công nghiệp Sinh học thuộc Khoa Nông nghiệp & Khoa học Đời sống phải hoàn thành chương trình ABEEK (Hội đồng Kiểm định Giáo dục Kỹ thuật Hàn Quốc). Học sinh chuyển trường có thể mất một, hai học kỳ hoặc lâu hơn tùy thuộc vào điểm số đã học tại trường cũ
- ✘ Ngoại trừ khoa Máy tính (chuyên ngành phần mềm toàn cầu) không cần học chứng chỉ này.
- ④ Khoa Truyền thông báo chí: chỉ tuyển những ứng viên đang cư trú tại Hàn, có thể tham dự phỏng vấn tuyển chọn tại khoa
- ⑤ Các khoa Âm nhạc, Thiết kế và Mỹ thuật chỉ chấp nhận sinh viên mới trong học kỳ mùa xuân.
- ⑥ Theo quy định tuyển sinh của khoa Sư phạm- quy định của bộ giáo dục, tỷ lệ nhận sinh viên quốc tế không thể vượt quá 10% tổng số sinh viên Hàn Quốc ứng tuyển vào khoa vào năm đó và ứng viên chuyển tiếp(chuyển trường) sẽ không đủ điều kiện để nộp đơn (chỉ nhận sinh viên mới nhập học).

③ ĐIỀU KIỆN ĐĂNG KÝ

1. Sinh viên mới nhập học

- Ứng viên quốc tế có cha mẹ đều là công dân không phải người Hàn Quốc phải đáp ứng tất cả các yêu cầu sau: Phải hoàn thành hết cấp 1(Tiểu học)và cấp 2 (Trung học), cấp 3(trung học Phổ thông) (hoặc ứng viên dự định tốt nghiệp trung học Phổ thông) của bộ giáo dục tại Hàn Quốc (bao gồm ứng viên dự định tốt nghiệp vào tháng 8 năm 2019).

2. Sinh viên chuyển tiếp

- A. Chuyển tiếp đại học : Cha mẹ đều không phải người Hàn Quốc Tốt nghiệp đại học chính quy hệ 4 năm trong hoặc ngoài nước và có bằng đại học (bao gồm những ứng viên dự định tốt nghiệp vào tháng 8 năm 2019)
- B. Chuyển tiếp thông thường : Cha mẹ đều không phải người Hàn Quốc, những ứng viên tốt nghiệp Trường đại học chuyên ngành trong và ngoài nước hệ 2 năm hoặc ba năm (bao gồm cả những ứng viên dự định tốt nghiệp vào tháng 8 năm 2019) hoặc những ứng viên đang học tại đại học hệ 4 năm nhưng đã học được 2 năm trở nên(4 kỳ học) và học hết trên 70 tín chỉ
- ✘ Ứng viên theo học tại những trường đại học hệ 3 năm mà đã học được 2 năm thì không thể đăng ký.
 - ✘ Những ứng viên theo học tại những trường đại học không có chế độ tín chỉ thì không thể đăng kí nhập học chuyển tiếp

★★ Quy định chung với nhập học của cả sinh viên mới nhập học và sinh viên chuyển tiếp: Điều kiện quốc tịch của ứng viên được xét duyệt tính đến ngày cuối cùng trong thời hạn nộp hồ sơ, đối với ứng viên có đa quốc tịch không thể đăng ký nhập học

3. Năng lực ngoại ngữ

A. Ứng viên muốn nộp hồ sơ nhập học đơn cho một trong 9 ngành sau **PHẢI nộp bằng TOPIK(năng lực tiếngHàn) trước ngày 10.05.2019**
※ Không chấp nhận phiếu dự TOPIK

Khoa	Yêu cầu TOPIK
Xã hội học, Truyền thông báo chí, Địa lý	Chứng chỉ TOPIK 3 trở lên
Kinh tế thông thương	
Văn học và ngôn ngữ Hàn Quốc, Triết học	Chứng chỉ TOPIK 4 trở lên
Sư phạm Hàn ngữ	
Phúc lợi xã hội	
Quản trị kinh doanh	Chứng chỉ TOPIK 4 trở lên hoặc hoàn thành cấp 6 tiếng Hàn tại Viện ngôn ngữ của trường Đại học quốc gia KyungPook
Hành chính	Chứng chỉ TOPIK 3 trở lên 3 hoặc hoàn thành cấp 4 tiếng Hàn tại Viện ngôn ngữ của trường Đại học quốc gia KyungPook

B. **Ngoại trừ 9 khoa trên ứng viên cần đáp ứng một trong những yêu cầu về trình độ ngôn ngữ sau.**

- ① Chứng chỉ tiếng Hàn : Chứng chỉ TOPIK cấp độ 3 trở lên
 ※ Các ứng viên tham gia kỳ thi TOPIK lần thứ 63, 64 có thể nộp phiếu dự thi, nhưng vẫn phải nộp chứng chỉ cấp 3 trở lên trước ngày 28 tháng 6 năm 2019
- ② Trình độ tiếng Hàn: Chứng chỉ hoàn thành cấp 3 trở lên tại Học viện Ngôn ngữ Hàn Quốc của một trường đại học.
- ③ Trình độ tiếng Anh: Chứng chỉ trình độ tiếng Anh được công nhận (TOEFL 530, CBT 197, iBT 71, IELTS 5.5, TEPS 600, CEFR B2, TOEIC 700 trở lên)

4. Lịch trình tuyển chọn

1. Tiếp nhận hồ sơ

A. Tiếp nhận hồ sơ online

- ① Thời hạn : 22.04.2019 ~ trước 18 giờ ngày 3. 05
- ② Địa chỉ đăng ký : link đăng ký (<http://jinhakapply.com>) hoặc vào trang <http://en.knu.ac.kr>
- ③ Số báo danh : Sau khi đăng ký online sẽ tự động cấp cho ứng viên

B. Tiếp nhận hồ sơ trực tiếp

- ① Thời hạn : 22.04.2019 ~ trước 18 giờ ngày 10.05
- ② Nơi tiếp nhận hồ sơ : Bộ phận giao lưu quốc tế, tòa nhà Global Plaza, tầng 6 phòng 608
- ③ Quy trình nộp hồ sơ: Sau khi hoàn thành đăng ký online, ứng viên in giấy đăng ký nhập học và nộp cùng với những hồ sơ được yêu cầu (tham khảo thêm tại mục số "5: hồ sơ cần nộp"). Nộp hồ sơ chứng minh tài chính chỉ áp dụng đối với ứng viên đã đỗ vòng thi phỏng vấn.

2. Kiểm duyệt hồ sơ

A. Thời gian kiểm duyệt: từ ngày 13.05.2019 ~ 20.05.

B. Cách tuyển chọn: Có phải là người ngoại quốc hay không, duyệt xem ứng viên có đáp ứng đủ điều kiện đăng ký không gồm: học lực, trình độ học vấn, năng lực ngoại ngữ sau đó sẽ đưa ra quyết định những ứng viên phù hợp và không phù hợp.

3. Khoa đăng ký trực tiếp tuyển chọn(thông qua phỏng vấn)

A. Thời gian:

- ① Thi phỏng vấn nguyện vọng 1 : từ ngày 23.05.2019 ~ 31.05
- ② Thi phỏng vấn nguyện vọng 1 : Hạn cuối ngày 12.06.2019

B. Phương thức phỏng vấn : Tùy theo khoa mà sẽ điện thoại hoặc phỏng vấn trực tiếp

- ① Khoa sẽ thông báo trước ngày và địa điểm thi phỏng vấn
- ② Chỉ thực hiện phỏng vấn nguyện vọng 2 đối với ứng viên trượt nguyện vọng 1.

4. Thông báo kết quả đỗ

A. dự định ngày 5. 7. 2019

B. Xem kết quả tại trang chủ của quỹ lưu quốc tế trường: (<http://gp.knu.ac.kr>) hoặc trường sẽ thông báo qua Email của mỗi cá nhân

5 Hồ sơ cần nộp

1. Chuẩn bị hồ sơ

Hồ sơ	Mới nhập học	Chuyển tiếp	Lưu ý
① Đơn đăng ký nhập học	○	○	Sau khi hoàn thành đăng ký online, in giấy đăng ký và nộp cùng các hồ sơ khác
② Giấy giới thiệu bản thân và bản kế hoạch học tập	○	○	Sử dụng mẫu đơn của trường (download mẫu đơn tại trang chủ trường)
③ Thư giới thiệu	○	○	
④ Giấy chứng nhận tốt nghiệp (hoặc giấy tốt nghiệp tạm thời)	○	○	Nộp bản gốc cùng với bản dịch công chứng
⑤ Bảng điểm Trung học phổ thông(cả ba năm học)	○	○	
⑥ Giấy chứng nhận theo học đại học(bằng tốt nghiệp hoặc bằng tốt nghiệp tạm thời, giấy chứng nhận hoàn thành hoặc sắp hoàn thành chương trình học)	×	○	
⑦ Bảng điểm đại học (cả 4 năm)	×	○	Nộp bản gốc cùng với bản dịch công chứng, để so sánh điểm của các môn và các năm
⑧ Bảng chứng nhận năng lực tiếng Anh hoặc tiếng Hàn (IELTS, TOPIK...) <i>* Chỉ chấp nhận bằng bằng chứng nhận còn thời hạn (được cấp sau ngày 10.05.2017)</i>	○	○	Bảng còn thời hạn 2 năm gần đây
⑨ Giấy chứng nhận hoàn thành chương trình học tiếng Hàn (hoặc giấy chứng nhận đang theo học) và bảng điểm tại một viện ngôn ngữ đào tạo tiếng Hàn	△	△	Bắt buộc phải nộp giấy chứng chỉ học tiếng tại Hàn Quốc
⑩ Pho tô hộ chiếu	○	○	
⑪ Pho tô thẻ cư trú người ngoại quốc (cả mặt trước và mặt sau)	△	△	Chỉ áp dụng cho ứng viên đang cư trú tại Hàn Quốc
⑫ Hộ khẩu(chứng nhận quan hệ gia đình và quốc tịch của cha mẹ)	○	○	Tham khảo mục chú ý dưới đây

※ Chú ý

- ① Hồ sơ chứng nhận quan hệ gia đình và quốc tịch của cha mẹ
 - Hồ sơ có thể chứng minh được quan hệ gia đình và quốc tịch của ứng viên và cha mẹ:

<Hồ sơ chứng nhận quan hệ gia đình>

Đối với sinh viên Việt Nam : Sổ hộ khẩu hoặc Giấy khai sinh.

- ② Bằng tốt nghiệp bản gốc sẽ được trả lại cho sinh viên sau khi kết thúc tuyển chọn hồ sơ.
- ③ Hồ sơ bản gốc tiếng Việt bắt buộc phải dịch sang tiếng Anh hoặc Hàn phải kèm theo bản chứng nhận công chứng người dịch.
 - Tính từ ngày nộp, chỉ chấp nhận các hồ sơ công chứng còn hạn trong vòng 6 tháng

2. Hồ sơ chứng minh tài chính

A. Dành cho : Ứng viên đỗ phỏng vấn của khoa

B. Thời hạn nộp : Từ ngày thông báo kết quả cho đến **hạn cuối là 21.06.2019.**

C. Hồ sơ cần nộp : Phải đáp ứng đủ một trong ① , ② , ③ điều kiện sau đây:

- ① Chính minh tài chính: Nếu học viên tự chứng minh tài chính.
 - Phải nộp giấy xác nhận số dư ngân hàng (bản gốc) đứng tên của **bản thân** số tiền dư trong tài khoản phải 18.000 USD.
 - ※ Dựa theo nguyên tắc: Giấy xác nhận số dư ngân hàng được cấp trong vòng 30 ngày kể từ ngày nộp, tuy nhiên chỉ chấp nhận giấy chứng minh tài chính có hiệu lực cho đến thời hạn được ghi trong giấy (tối đa trong vòng 6 tháng kể từ ngày cấp)
- ② Chính minh tài chính: : Nếu người bảo lãnh tài chính là cha mẹ:
 - Phải nộp giấy xác nhận số dư ngân hàng (bản gốc) đứng tên của **cha mẹ** số tiền dư trong tài khoản phải 18.000 USD.
 - ※ Dựa theo nguyên tắc: Giấy xác nhận số dư ngân hàng được cấp trong vòng 30 ngày kể từ ngày nộp, tuy nhiên chỉ chấp nhận giấy chứng minh tài chính có hiệu lực cho đến thời hạn được ghi trong giấy (tối đa trong vòng 6 tháng kể từ ngày cấp)
 - Bản gốc Giấy chứng nhận việc làm và giấy chứng nhận thu nhập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy chứng nhận nộp thuế từ người bảo lãnh tài chính (cha mẹ).
 - ※ Chấp nhận giấy tờ được cấp trong vòng 30 ngày kể từ ngày nộp
 - ※ Với trường hợp cha mẹ mất(vắng mặt), anh chị em ruột có thể đứng ra bảo lãnh tài chính, trường hợp còn cha mẹ thì rất hạn chế trong việc chấp nhận đối tượng không phải là cha mẹ mà là người khác.
- ③ Giấy chứng nhận học bổng từ tổ chức khác:

- Trường hợp ứng viên được hỗ trợ tài chính từ chính phủ hoặc cơ quan tổ chức quốc gia của mình
- Trường hợp ứng viên được hỗ trợ tài chính từ tổ chức khác:
- ✘ Nếu tổng số tiền học bổng hoặc quỹ hỗ trợ dưới 18.000 USD, ứng viên sẽ phải bổ sung số tiền chứng minh tài chính còn lại ở mục ① hoặc ② được đề cập trên đây.

3. Hồ sơ hợp pháp hóa lãnh sự:

- A. Đối tượng: ứng viên đã vượt qua cả vòng duyệt hồ sơ và phỏng vấn
- B. Thời hạn nộp: Hạn cuối đến tháng 8 năm 2019 (trước khai giảng)

✘ Nếu không nộp hồ sơ đúng thời hạn, sẽ bị hủy nhập học

- C. Hồ sơ cần nộp:

*Ứng viên chọn một trong hai cách dưới đây để nộp hồ sơ:

- (1) **Apostille:** bằng điểm và bằng tốt nghiệp bắt buộc phải xin dấu hợp pháp hóa bộ ngoại giao và Đại sứ quán (hoặc tổng lãnh sự quán) Hàn Quốc tại Việt Nam.

- (2) Xin dấu hợp pháp hóa lãnh sự của Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc

✘ Chỉ áp dụng với đối tượng tốt nghiệp các trường học ở Việt Nam, không áp dụng với các ứng viên tốt nghiệp từ các trường học ở Hàn Quốc

⑥ Phí đăng ký tuyển chọn:

- 1. Phí đăng ký: 60.000 won

2. Cách thanh toán:

- A. Phí nộp hồ sơ được thanh toán online thông qua hệ thống nhập thông tin đăng ký.

✘ Vui lòng tham khảo các hướng dẫn cách thanh toán khi đăng ký online.

- B. Nếu phí nộp đơn đăng ký không được thanh toán trong thời gian đăng ký, đơn đăng ký sẽ tự động bị hủy.

- C. Sau khi đã nộp phí, ứng viên sẽ nhận được mã số học sinh (số báo danh). Sau khi in giấy đăng ký, hệ thống tự động hoàn thành đăng ký, khi đã in giấy đăng ký ứng viên sẽ không thể sửa nội dung đơn đăng ký online.

⑦ Hồ sơ cần lưu ý

- 1. Tất cả các hồ sơ dịch tiếng Hàn hoặc tiếng Anh, bản dịch phải kèm theo bản công chứng và nhân viên dịch.
- 2. Nếu hồ sơ bị phát hiện là giả, sẽ bị hủy nhập học, vì đó là hành vi sai với luật

và quy định

3. Đối với các ứng viên đã tốt nghiệp, nhưng mới chỉ nộp giấy tốt nghiệp tạm thời thì cần phải nộp bằng nghiệp bản gốc cho văn phòng giao lưu quốc tế trước ngày **23 tháng 8 năm 2019**. Nếu ứng viên không nộp đúng thời hạn sẽ bị hủy nhập học.
4. Văn phòng giao lưu quốc tế sẽ không chịu trách nhiệm về việc hủy đăng ký nhập học do ứng viên không nhận được các thông báo hướng dẫn quan trọng với các lý do như liên lạc bị đứt đoạn hoặc ghi sai số điện thoại, địa chỉ v.vv trên đơn đăng ký nhập học.
5. Nếu visa của ứng viên nộp đơn không được cấp hoặc bị từ chối do các cơ quan có thẩm quyền nên không thể nhập cảnh thì nhà trường sẽ áp dụng hủy nhập học với ứng viên cho dù ứng viên đã đỗ kỳ thi tuyển chọn.
6. Ứng viên nhận được học bổng trên 18.000 đô la Mỹ từ một tổ chức khác không bắt buộc phải nộp giấy chứng nhận bảo lãnh tài chính; tuy nhiên, phải nộp giấy chứng nhận / thư xác nhận từ tổ chức sẽ chi trả, trợ cấp học phí trong suốt thời gian học tại trường.
7. Trường sẽ không hoàn trả lại hồ sơ đã nộp, (chỉ hoàn trả lại bản gốc giấy chứng nhận tốt nghiệp.)
8. Vui lòng hoàn thành đăng ký hồ sơ online sớm nhất có thể trước ngày hết hạn, vì ngày hạn cuối nhiều ứng viên người đăng ký mạng online sẽ bị nghẽn.
9. Sinh viên nước ngoài được nhận vào trường đại học hoặc theo học tại KNU đóng bảo hiểm y tế trong nước (bảo hiểm Việt Nam) hoặc bảo hiểm y tế của Hàn Quốc.
10. Bản hướng dẫn nhập học cho sinh viên nước ngoài này có bản tiếng Anh, tiếng Trung, tiếng Hàn và tiếng Việt, nên khi biên dịch có thể có sự khác biệt nhỏ giữa các bản dịch, tuy nhiên đều là được dịch từ bản gốc tiếng Hàn của trường, các bạn có thể tham khảo bản gốc.

8 Chế độ học bổng

1. Học bổng TOPIK cho sinh viên chuyển tiếp và sinh viên mới:

- A. Sinh viên có chứng chỉ TOPIK cấp 3: giảm 20% học phí cho học kỳ đầu tiên.
- B. Sinh viên có chứng chỉ TOPIK cấp 4: giảm 40% học phí cho học kỳ đầu tiên.
- C. Sinh viên có chứng chỉ TOPIK cấp 5, 6: Học bổng cho 80% học phí cho học kỳ đầu tiên.

2. Học bổng TOPIK cho sinh viên đang theo học:

Những sinh viên mới có chứng chỉ TOPIK cấp 3 hoặc mới thi được chứng chỉ TOPIK cấp 4 trở lên có thể nhận được học bổng bằng tiền mặt trị giá 500.000won(Lưu ý học bổng chỉ áp dụng một lần)

※ Không áp dụng với sinh viên kỳ cuối chuẩn bị tốt nghiệp

3. Học bổng thành tích học tập xuất sắc (sinh viên đang theo học, đánh giá dựa trên thành tích học kỳ trước)

A. Top 7% sinh viên quốc tế đứng đầu trong tổng số sinh viên ngoại quốc nhận được học bổng 80% cho học kỳ sau.

B. Top 30% sinh viên quốc tế trong tổng số sinh viên ngoại quốc nhận được học bổng 20% cho học kỳ sau.

4. Học bổng trợ cấp sinh hoạt phí : Các sinh viên đăng ký vào ký túc xá sẽ được miễn phí phòng ký túc xá cho học kỳ đầu tiên.

9] HỌC PHÍ (THEO KỲ) (Theo tiêu chuẩn năm 2019)

CƠ SỞ	Khối ngành	Khoa	Học phí (won)	CƠ SỞ	Khối ngành	Khoa	Học phí (won)
DAEGU	Nhân văn	Các khoa khác	₩1,781,000	DAEGU	Khoa học xã hội	Các khoa	₩1,819,000
		Khảo cổ học & nhân chủng học	₩1,828,500			Các khoa	₩2,410,000
	Khoa học tự nhiên / Khoa học công nghệ sinh thái nhân	Các khoa	₩2,179,000		Nghệ thuật	Mỹ thuật	₩2,470,000
	Kinh tế & Quản trị kinh doanh / Hành chính công	Các khoa	₩1,754,000	SANGU	Khoa học sinh thái & môi trường	Các khoa	₩2,179,000
	Khoa học công nghệ/ IT	Các khoa	₩2,331,000			Khoa học sinh thái & môi trường (Du lịch sinh thái)	₩1,781,000
	Khoa học nông nghiệp & đời sống	Các khoa	₩2,179,000		Khoa học kỹ thuật	Các khoa	₩2,331,000
Kinh tế nông nghiệp		₩1,781,000	Công nghiệp thực phẩm và dịch vụ thực phẩm			₩2,179,000	

10] PHÍ KÝ TÚC XÁ(TIÊU CHUẨN NĂM 2018)

Phí quản lý & Phí ăn		SỐ TIỀN(WON)				Ghi chú
		Học kỳ 1	Học kỳ 2	Kì nghỉ đông	Kì nghỉ hè	
Phí quản lý	2 người/ 1 phòng	₩495,000	₩478,000	₩232,000	₩321,000	
Phí ăn(1 ngày 3bữa)		₩791,200	₩736,000	₩446,900	₩391,000	Có thể lựa chọn số bữa (1~3 bữa/ngày)

① Chi phí ghi trên có thể thay đổi

- ② Văn phòng quốc tế sẽ chỉ hỗ trợ miễn phí phòng ký túc xá cho học kỳ đầu tiên đối với sinh viên mới nhập học
- ③ Homepage kí túc xá : <http://dorm.knu.ac.kr>

11 Mọi thắc mắc liên hệ:

1. **Phụ trách:** cô Hyunju Seo, văn phòng quỹ giao lưu quốc tế
2. **Địa chỉ:** số 80 Daehak-ro, Buk-gu, thành phố Daegu, Hàn Quốc
Văn phòng giao lưu quốc tế, trường Đại học quốc gia KYUNGPOOK, phòng 608, tòa nhà Global Plaza/ số bưu chính: 41566
3. **Điện thoại:** Tel) 053-950-2434, Fax) 053-950-2419, Email) globalhj@knu.ac.kr
4. **Thời gian làm việc:** Các ngày làm việc trong tuần từ thứ 2 đến thứ 6, từ 9 giờ sáng đến 6 giờ tối (thời gian nghỉ trưa từ 12 giờ trưa đến 1 giờ chiều)
5. Trang chủ trường Đại học quốc gia KYUNGPOOK:
- <http://www.knu.ac.kr> (tiếng Hàn), <http://en.knu.ac.kr> (tiếng Anh)
6. Trang chủ trường văn phòng giao lưu quốc tế Đại học quốc gia KYUNGPOOK:
<http://gp.knu.ac.kr>

III THAM KHẢO

1 Apostille

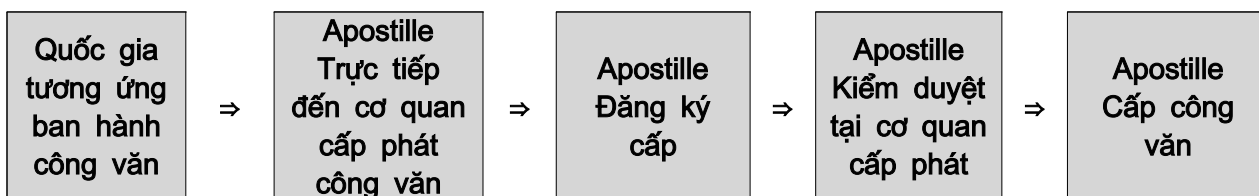
□ Apostille là gì:?

1. Hiệp ước **Apostille**: Trong những quốc gia tham gia hiệp ước, để dễ dàng hơn trong việc chứng thực các loại công văn giữa các quốc gia, nước ban hành công văn đã đưa ra hiệp ước **Apostille** với nội dung chủ yếu là xác thực (hợp pháp hóa) công văn giữa các quốc gia thành viên, thay thế loại bỏ các hồ sơ chứng thực phức tạp như xác thực lãnh sự của cơ quan nước ngoài.

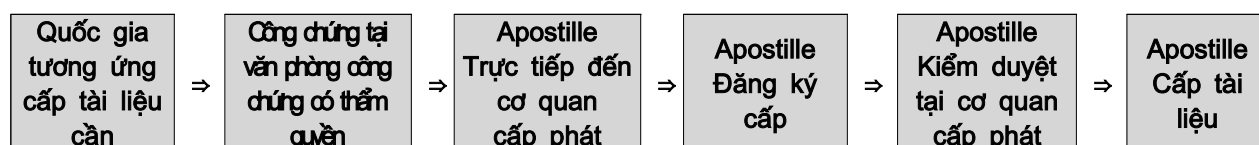
- Tên chính thức: Convention Abolishing the Requirement of Legalization for Foreign Public Document (Hiệp ước loại bỏ yêu cầu hợp pháp hóa đối với công văn nước ngoài)

2. Phương thức cấp:

A. Công văn (các trường quốc gia, công lập)



B. Tài liệu từ (các trường tư)



3. Cơ quan cấp: Cơ quan có thẩm quyền được chỉ định bởi chính phủ quốc gia tương ứng. (※ Trường hợp tại Hàn Quốc thì cơ quan có thẩm quyền là bộ ngoại giao)

- ※ Thông tin các cơ quan có thẩm quyền liên quan đến Apostille theo từng quốc gia, vui lòng tham khảo tại www.hcch.net - Apostille Section

4. Tổng quan về các nước tham gia hiệp ước: Tổng 117 quốc gia.

Khu vực	Tên quốc gia
CHÂU Á, CHÂU ĐẠI DƯƠNG (24 quốc gia)	Niu Di-lân, Niue, Quần đảo Marshall, Mông Cổ, Cộng hòa Vanuatu, Bahrain, Nước Brunei, Samoa, Ác-mê-ni, Oman, Uzbekistan, Israel, Ấn Độ, Nhật Bản, Trung Quốc, Kazakhstan, Quần đảo Cook, Kyrgyzstan, Tajikistan, Tonga, Fiji, Hàn Quốc, Úc, Phi-líp-pin
Châu Âu (48 quốc gia)	Hy Lạp, Hà Lan, Na Uy, Đan Mạch, Đức, Latvia, Nga, Rumania, Luxemburg, Lithuania, Liechtenstein, Cộng hòa Macedonia, Công quốc Monaco, Xô Viết Moldavia, Đảo quốc Malta, Bỉ, Cộng hòa Belarus, Liên bang Bosnia và Herzegovina, Bun-ga-ri, Cộng hòa Samarino, Serbia, Thụy Điển, Thụy Sĩ, Tây Ban Nha, Tiệp Khắc, Slovenia, Ai-xơ-len, Ai-len, Azerbaijan, Andorran, Albania, Kroon Estonia, Anh, Áo, Ukraina, Ý, Gruzia, Cộng hòa Séc, Kosovo, Croatia, Cộng hòa Síp, Thổ Nhĩ Kỳ, Bồ Đào Nha, Ba Lan, Pháp, Phần Lan, Hungary
Bắc Mỹ (1 quốc gia) Trung Nam Mỹ (30 quốc gia)	Mỹ, Leptotila Wellsi, Ni-ca-ra-goa, Cộng hòa Dominica, Mê-xi-cô, Barbados, Bahamas, Venezuela, Belize, Brazil, Saint Lucia, Saint Vincent Grenadines, Sint Kitts Nevis, Suriname, Ác-hen-ti-na, Ars Antiqua, Ê-cu-a-đo, El Salvador, cộng hòa Honduras, U-ru-guay, Costa Rica, Colombia, Trinidad Tobago, Panama, Paraguay, Peru, Bolivia, Chilê, Guatemala, Cộng hòa Guyana,
Châu Phi (14 quốc gia)	Namibia, Cộng hòa Nam Phi, Liberia, Lesotho, Malawi, Ma rốc, Mauritius, Botswana, Burundi, Sao Tome và Principe, Seychelles, cộng hòa Swaziland, Cabo Verde, Tunisia

2 Địa chỉ trang chủ các khoa

Khối ngành	Khoa(chuyên ngành)	Homepage
Nhân văn	Ngôn ngữ văn học Hàn Quốc	http://korean.knu.ac.kr (tiếng hàn), http://korean.knu.ac.kr/eng (tiếng anh)
	Ngôn ngữ văn học Anh	http://english.knu.ac.kr/index.htm (tiếng hàn) http://english.knu.ac.kr/english/index.htm (tiếng anh)
	Sử học	http://khistory.knu.ac.kr (tiếng hàn), http://knuhistory.cafe24.com/eng/ (tiếng anh)
	Triết học	http://philosophy.knu.ac.kr (tiếng hàn)
	Ngôn ngữ văn học Pháp	http://france.knu.ac.kr (tiếng hàn)
	Ngôn ngữ văn học Đức	http://german.knu.ac.kr (tiếng hàn)
	Ngôn ngữ văn học Trung	http://chinese.knu.ac.kr/index.htm (tiếng hàn) http://chinese.knu.ac.kr/eng/ (tiếng anh)
	Khảo cổ học & Nhân chủng học	http://aran.knu.ac.kr/ (tiếng hàn)
	Ngôn ngữ văn học Nhật	http://japan.knu.ac.kr/ (tiếng hàn)
	Hán văn	http://hanmun.knu.ac.kr/ (tiếng hàn)
Ngôn ngữ văn học Nga	http://knurussian.kr/ (tiếng hàn)	
Xã hội	Chính trị và ngoại giao	http://politics.knu.ac.kr/ (tiếng hàn)
	Xã hội học	http://socio.knu.ac.kr/ (tiếng hàn)
	Địa lý học	http://geog.knu.ac.kr/ (tiếng hàn), (tiếng anh)
	Tâm lý học	http://psy.knu.ac.kr/ (tiếng hàn)
	Thư viện & Khoa học thông tin	http://lis.knu.ac.kr/ (tiếng hàn), http://widit.knu.ac.kr/lis/notice.cgi (tiếng anh)
	Phúc lợi xã hội	http://knusw.knu.ac.kr/ (tiếng hàn), (tiếng anh)
	Báo chí và truyền thông	http://masscom.knu.ac.kr/ (tiếng hàn)

Khối ngành	Khoa(chuyên ngành)	Homepage
Khoa học tự nhiên	Toán học	http://math.knu.ac.kr/ (tiếng hàn)
	Vật lý	http://physicsknu.org/ (tiếng hàn), http://physics.knu.ac.kr/eng/ (tiếng anh)
	Hóa học	http://chem.knu.ac.kr/ (tiếng hàn), tiếng anh)
	Công nghệ sinh vật học	http://bio.knu.ac.kr/index.do (tiếng hàn), http://bio.knu.ac.kr/en/index.do (tiếng anh)
	Công nghệ sinh học	http://biotech.knu.ac.kr/ (tiếng hàn)
	Khoa học hệ thống trái đất(chuyên ngành địa chất Trái đất)	http://geology.knu.ac.kr/ (tiếng hàn)
	Khoa học hệ thống trái đất(chuyên ngành khí quyển và thiên văn)	http://hanl.knu.ac.kr/ (tiếng hàn)
	Khoa học hệ thống trái đất (chuyên ngành hải dương học)	http://ocean.knu.ac.kr/ (tiếng hàn)
	Thống kê	http://stat.knu.ac.kr/ (tiếng hàn), http://stat.knu.ac.kr/eng/ (tiếng anh)
Kinh tế/ Quản trị kinh doanh	Kinh tế thông thương	http://econ.knu.ac.kr/index.php (tiếng hàn), http://econ.knu.ac.kr/en/index.php (tiếng anh)
	Quản trị kinh doanh	http://biz.knu.ac.kr/ (tiếng hàn, tiếng anh)
Khoa học kỹ thuật	Khoa học và Kỹ thuật Vật liệu mới(chuyên ngành Khoa học Vật liệu & Kỹ thuật Luyện kim)	http://metal.knu.ac.kr/html/main.html (tiếng hàn) http://metal.knu.ac.kr/english/html/main.html (tiếng anh)
	Khoa học và Kỹ thuật Vật liệu mới(chuyên ngành Kỹ thuật Vật liệu Điện tử)	http://emse.knu.ac.kr/main/ (tiếng hàn)
	Kỹ thuật cơ khí	http://me.knu.ac.kr/ (tiếng hàn)
	Kỹ thuật hóa học ứng dụng (Chuyên ngành ứng dụng hóa học)	http://appchem.knu.ac.kr/ (tiếng hàn)
	Kỹ thuật hóa học ứng dụng (Chuyên ngành công nghệ hóa học)	http://chemeng.knu.ac.kr/ (tiếng hàn, tiếng anh,)
	Kiến trúc	http://arch.knu.ac.kr/ (tiếng hàn)
	Công nghệ phân tử	http://polymer.knu.ac.kr/ (tiếng hàn, tiếng anh)
	Kỹ thuật hệ thống dệt may	http://textile-eng.knu.ac.kr/ (tiếng hàn)
	Khoa học môi trường	http://www.knuenv.or.kr/html/main.html (tiếng hàn) http://www.knuenv.or.kr/html/main.html# (tiếng anh)
	Công nghệ năng lượng	http://energy.knu.ac.kr/ (tiếng hàn)
IT	Kỹ thuật điện tử	http://see.knu.ac.kr/ (tiếng hàn), http://see.knu.ac.kr/eng/ (tiếng anh)
	Khoa học máy tính	http://computer.knu.ac.kr/main/ (tiếng hàn) http://computer.knu.ac.kr/eng/main/index.html (tiếng anh)
	Kỹ thuật điện	http://electric.knu.ac.kr/ (tiếng hàn)
Nghệ thuật	Âm nhạc	http://music.knu.ac.kr/ (tiếng hàn)
	Nhạc cụ truyền thống Hàn Quốc	http://kmusic.knu.ac.kr/ (tiếng hàn)
	Mỹ thuật	http://arts.knu.ac.kr/ (tiếng hàn)
	Thiết kế	http://vcd.knu.ac.kr/ (tiếng hàn)
Sư phạm	Sư phạm ngữ văn Hàn	http://koredu.knu.ac.kr/ (tiếng hàn)
	Sư phạm sử	http://hisedu.knu.ac.kr/ (tiếng hàn)
Khoa học đời sống	Nghiên cứu trẻ em	http://child.knu.ac.kr/ (tiếng hàn)
	May mặc	http://fashion.knu.ac.kr/ (tiếng hàn)
	Dinh dưỡng thực phẩm	http://fsnu.knu.ac.kr/ (tiếng hàn)
Hành chính công vụ	Hành chính	http://puad.knu.ac.kr/ (tiếng hàn)

Khối ngành	Khoa(chuyên ngành)	Homepage
Nông nghiệp & Khoa học đời sống	Khoa học sinh học ứng dụng(chuyên ngành môi trường sinh hóa học)	http://kac.knu.ac.kr/ (tiếng anh)
	Khoa học sinh học ứng dụng (Chuyên ngành công nghệ sinh học thực vật)	https://webbuild.knu.ac.kr/~pbs/index.htm (tiếng anh)
	Khoa học sinh học ứng dụng(Chuyên ngành sinh vật học ứng dụng)	http://agbl.knu.ac.kr/ (tiếng hàn)
	Công nghệ thực phẩm	https://kbuilder.knu.ac.kr/HOME/foodbio/index.htm (tiếng hàn)
	Khoa học về rừng và chăm sóc tạo dáng cây(Chuyên ngành lâm nghiệp)	http://forestry.knu.ac.kr/ (tiếng hàn)
	Khoa học về rừng và chăm sóc tạo dáng cây (Chuyên ngành kỹ thuật lâm sản).	http://wood.knu.ac.kr/ (tiếng hàn)
	Khoa học về rừng và chăm sóc tạo dáng cây (Chuyên ngành kỹ thuật chăm sóc tạo dáng cây)	http://land.knu.ac.kr/ (tiếng hàn)
	Kỹ thuật nông nghiệp	http://horti.knu.ac.kr/ (tiếng hàn)
	Khoa học đất đai nông nghiệp và công nghiệp sản xuất nông sản (Chuyên ngành đất đai nông nghiệp)	http://acen.knu.ac.kr/ (tiếng hàn)
	Khoa học đất đai nông nghiệp và công nghiệp sản xuất nông sản (Chuyên ngành kỹ thuật công nghiệp sản xuất nông sản)	http://bime.knu.ac.kr/ (tiếng hàn)
	Khoa học vật liệu và sợi sinh học	http://biofiber.knu.ac.kr/ (tiếng hàn)
	Kinh tế nông nghiệp	http://agec.knu.ac.kr/ (tiếng hàn)
	Sinh thái môi trường	Hệ thống sinh thái & môi trường(Chuyên ngành tài nguyên môi trường thực vật)
Hệ thống sinh thái & môi trường(Chuyên ngành tài nguyên môi trường rừng)		http://forest.knu.ac.kr/ (tiếng hàn)
Môi trường sinh thái & du lịch sinh thái (Sinh học ứng dụng)		http://abio.knu.ac.kr/ (tiếng hàn)
Môi trường sinh thái & Du lịch sinh thái (Du lịch sinh thái)		http://ecotour.knu.ac.kr/ (tiếng hàn)), http://sites.google.com/view/knutourism/ (tiếng anh)
Giải trí và Thể thao		http://dols.knu.ac.kr/ (tiếng hàn)
Kỹ thuật chăn nuôi		http://ani.knu.ac.kr/ (tiếng hàn)
Công nghệ sinh học động vật		http://anibiotech.knu.ac.kr/ (tiếng hàn)
Khoa học động vật hoang dã/ đặc thù/ ngựa	http://axt.knu.ac.kr/ (tiếng hàn)	
Khoa học kỹ thuật	Kỹ thuật phòng chống thiên tai	http://disaster.knu.ac.kr/ (tiếng hàn), http://kimhs0090.wixsite.com/endisaster (tiếng anh)
	Kỹ thuật kiến thiết môi trường	http://ue.knu.ac.kr/ (tiếng hàn)
	Cơ khí chính xác	http://pme.knu.ac.kr/ (tiếng hàn) http://sites.google.com/a/pmeatknu.com/pme_eng/ (tiếng anh)
	Kỹ thuật ô tô	http://auto.knu.ac.kr/ (tiếng hàn)
	Phần mềm	http://se.knu.ac.kr/ (tiếng hàn)
	Công nghiệp thực phẩm và dịch vụ thực phẩm	http://ffsi.knu.ac.kr/ (tiếng hàn)
	Vật liệu Khoa học và kỹ thuật nano	http://nanosj.knu.ac.kr/ (tiếng hàn)
	Hệ thống công nghệ kỹ thuật tổng hợp	http://cfse.knu.ac.kr/ (tiếng hàn)
	Kỹ thuật dệt & Thiết kế thời trang (Kỹ thuật dệt)	http://textile.knu.ac.kr/ (tiếng hàn)
	Kỹ thuật dệt và Thiết kế thời trang (Thiết kế thời trang)	http://style.knu.ac.kr/ (tiếng hàn)